



DOI:10.22144/ctujos.2024.239

## ẢN DỤ Ý NIỆM VỀ CON NGƯỜI TRONG THƠ TRẦN ĐĂNG KHOA

Đào Duy Tùng<sup>1\*</sup> và Đinh Lam Trường<sup>2</sup><sup>1</sup>Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Cần Thơ<sup>2</sup>Học viên Cao học ngành Văn học Việt Nam, Khóa 28, Trường Đại học Cần Thơ

\*Tác giả liên hệ (Corresponding author): ddtung@ctu.edu.vn

### Thông tin chung (Article Information)

Nhận bài (Received): 30/07/2023

Sửa bài (Revised): 20/08/2023

Duyệt đăng (Accepted): 25/08/2023

**Title:** Conceptual metaphors of people in Tran Dang Khoa's poetry**Author(s):** Dao Duy Tung\* and Dinh Lam Truong**Affiliation(s):** Can Tho University

### TÓM TẮT

From the theory of conceptual metaphor, the article initially explores the thinking, culture, and conceptual system of people in Tran Dang Khoa's poetry. Through a survey of 190 poems in "Tran Dang Khoa's Poetry Collection", the results showed that there were 146/190 poems containing conceptual metaphors about people, accounting for 76.8%, specifically: PEOPLE ARE ENTITIES - NATURAL PHENOMENA, PEOPLE ARE ANIMALS and PEOPLE ARE PLANTS. These metaphors are conventional and are also used in everyday language. The same mechanism for metaphorical thinking in Tran Dang Khoa's poetry is also present in most of the most common Vietnamese notions. These metaphors originate from the mutual effect of the poet in particular as well as the Vietnamese people in general with the outside world, which are the most basic experiences.

**Từ khoá:** Án dụ, ẩn dụ ý niệm, miền đích, miền nguồn, thơ Trần Đăng Khoa

### ABSTRACT

Từ lý thuyết ẩn dụ ý niệm, bài viết bước đầu tìm hiểu tư duy, văn hóa, hệ thống ý niệm về con người trong thơ Trần Đăng Khoa. Qua khảo sát 190 bài trong "Tập thơ Trần Đăng Khoa", kết quả cho thấy có 146/190 bài chứa ẩn dụ ý niệm về con người, chiếm 76,8%, cụ thể: CON NGƯỜI LÀ THỰC THỂ - HIỆN TƯỢNG TỰ NHIÊN, CON NGƯỜI LÀ ĐỘNG VẬT và CON NGƯỜI LÀ THỰC VẬT. Những ẩn dụ này mang tính quy ước, cũng được sử dụng trong ngôn ngữ thường nhật. Cơ chế tương tự cho tư duy ẩn dụ trong thơ Trần Đăng Khoa cũng hiện diện trong hầu hết các ý niệm thông thường nhất của người Việt. Những ẩn dụ này bắt nguồn từ tác dụng tương hỗ của nhà thơ nói riêng cũng như người Việt nói chung với thế giới bên ngoài, là những kinh nghiệm cơ bản nhất.

**Keywords:** Conceptual metaphor, mapping, source domain, target domain, Tran Dang Khoa's poetry

## 1. GIỚI THIỆU

Theo Lakoff and Johnson (1980), chủ nghĩa khách quan trong triết học phương Tây, từ thời Tiền

Socrates đến những năm 1980, quan niệm ẩn dụ là vấn đề "thuần ngôn ngữ" và các cuộc thảo luận triết lý về ẩn dụ đã không đặt trọng tâm vào bản chất ý niệm của ẩn dụ, đóng góp của ẩn dụ vào việc con

người có được hiểu biết, và chức năng của ẩn dụ trong thực tế văn hóa. Thay vào đó, các triết gia có khuynh hướng xem ẩn dụ như các biểu đạt ngôn ngữ thơ ca hoặc tưởng tượng không thường dùng. Còn trong truyền thống Ngữ văn học trước đây, với đặc trưng là tính hình tượng, ngôn ngữ thơ thường được xem là đối tượng nghiên cứu của văn học. Gần đây, ngôn ngữ học tri nhận và lý thuyết ẩn dụ ý niệm đã đặt ra vấn đề nghiên cứu mô hình tri nhận trong thơ. Ẩn dụ không phải là một đối tượng mà là một hướng mới trong nghiên cứu và tiếp nhận văn học nói chung và thơ ca nói riêng. Các nhà nghiên cứu đặt ra vấn đề nghiên cứu tư duy, văn hóa, hệ thống ý niệm trong thơ ca, và tìm hiểu các quá trình tinh thần, quá trình tâm lý của nhận thức. Tư duy ẩn dụ hiện diện khắp mọi nơi trong đời sống tinh thần của chúng ta, cả trong nhận thức lẫn vô thức, cả trong ngôn ngữ sinh hoạt đời thường lẫn trong ngôn ngữ thơ ca. Theo đó, cơ chế tương tự cho tư duy ẩn dụ được sử dụng trong thơ ca cũng hiện diện trong hầu hết các ý niệm thông thường nhất của chúng ta. Lakoff and Tuner (1989) cho rằng ẩn dụ trong thơ ca đa phần là các trường hợp nói rộng và các trường hợp đặc biệt của những ẩn dụ ý niệm ổn định, mang tính quy ước, được sử dụng trong tư duy và ngôn ngữ thường nhật. Những sáng tạo ẩn dụ của các nhà thơ được thể hiện qua đó bao hàm không chỉ sự sáng tạo hoàn toàn mới về tư duy ẩn dụ mà còn đưa vào các hình thức tư duy ẩn dụ đã tồn tại để tạo ra những điểm nói rộng mới và những kết hợp ánh xạ ẩn dụ cũ.

Ẩn dụ ý niệm về con người trong thơ Trần Đăng Khoa đều là những ẩn dụ ổn định, mang tính quy ước, cũng được sử dụng trong tư duy và ngôn ngữ thường nhật. Nhà thơ Trần Đăng Khoa ngay từ khi

còn là một cậu bé đã bộc lộ năng khiếu làm thơ, những bài thơ có tư duy trong sáng, hồn nhiên đã đi vào lòng bao thế hệ độc giả; đến khi trưởng thành, Trần Đăng Khoa vẫn chăm chỉ sáng tác và cho ra những thi phẩm hay. Đến nay, có thể khẳng định Trần Đăng Khoa có một vị trí nhất định trong nền văn học Việt Nam. Thơ ông đã được nghiên cứu ở nhiều góc độ, bài viết này, từ lý thuyết ẩn dụ ý niệm, làm rõ thêm miền ý niệm đích con người qua ba miền ý niệm nguồn: thực thể - hiện tượng tự nhiên, động vật và thực vật. Trong đó, mỗi hình ảnh thơ được xem là một cấu trúc nhận thức gồm phần ý niệm và phần ngôn từ (Stockwell, 2002).

## 2. NỘI DUNG

Sử dụng phương pháp nhận dạng ẩn dụ ý niệm (Tùng, 2015), khảo sát 190 bài trong *Tuyển thơ Trần Đăng Khoa* (Khoa, 2018), kết quả cho thấy có 146/190 bài chứa ẩn dụ ý niệm về con người, chiếm 76,8%. Như đã đề cập, ẩn dụ ý niệm về con người trong thơ Trần Đăng Khoa đều là những ẩn dụ mang tính quy ước, được sử dụng trong tư duy và ngôn ngữ thường nhật. Điều này hoàn toàn phù hợp với những trải nghiệm trong cuộc đời Trần Đăng Khoa. Trần Đăng Khoa sáng tác thơ từ rất sớm, ông sáng tác ngay từ lúc còn nhỏ và được mọi người xem là thần đồng thơ với những bài thơ rất hồn nhiên, trong sáng, phản ánh tư duy khám phá thế giới của trẻ thơ; và khi lớn lên, Trần Đăng Khoa vẫn tiếp tục sáng tác, những vần thơ của ông cũng trưởng thành theo năm tháng cùng với những trải nghiệm của ông.

Trong thơ Trần Đăng Khoa, miền ý niệm đích con người được thể hiện qua ba miền ý niệm nguồn tiêu biểu, nổi trội là thực thể, hiện tượng tự nhiên, động vật và thực vật, cụ thể như Bảng 1 bên dưới.

**Bảng 1. Bảng thống kê ẩn dụ ý niệm về con người trong thơ Trần Đăng Khoa**

STT	Ẩn dụ ý niệm	Số bài		Số lượng biểu thức ngôn ngữ mang tính ẩn dụ	
		Số bài	Tỉ lệ %	Số biểu thức	Tỉ lệ %
1	CON NGƯỜI LÀ THỰC THỂ, HIỆN TƯỢNG TỰ NHIÊN	54	37,0	71	35,7
2	CON NGƯỜI LÀ ĐỘNG VẬT	49	33,6	54	27,1
3	CON NGƯỜI LÀ THỰC VẬT	43	29,4	74	37,2
	<b>Tổng</b>	<b>146</b>	<b>100</b>	<b>199</b>	<b>100</b>

Ba ẩn dụ trong Bảng 1 ở trên nằm trong ẩn dụ khái quát CON NGƯỜI LÀ TỰ NHIÊN, và ẩn dụ này lại nằm trong ẩn dụ khái quát cao hơn là CẤU TRÚC XÃ HỘI LÀ CẤU TRÚC THỂ GIỚI. Đây là ẩn dụ phổ quát trong các nền văn hóa, có tính ánh xạ song hướng, khác với phần lớn ẩn dụ chỉ có tính ánh xạ đơn hướng.

### 2.1. CON NGƯỜI LÀ THỰC THỂ, HIỆN TƯỢNG TỰ NHIÊN

Ẩn dụ ý niệm CON NGƯỜI LÀ THỰC THỂ, HIỆN TƯỢNG TỰ NHIÊN trong thơ Trần Đăng Khoa không chỉ chịu ảnh hưởng bởi nhân tố văn hóa nông nghiệp mà còn chịu ảnh hưởng của lối tư duy trẻ thơ. Trong lao động sản xuất nông nghiệp, *trời,*

đất, trăng, gió, mây, mưa, nắng,... luôn được người Việt đời theo:

(1) *Trăng quầng thì hạn, trăng tán thì mưa.* (Tục ngữ)

(2) *Người ta đi cấy lấy công,*

*Tôi nay đi cấy còn trông nhiều bề.*

*Trông trời, trông đất, trông mây,*

*Trông mưa, trông nắng, trông ngày, trông đêm,*

Miền nguồn **THỰC THỂ, HIỆN TƯỢNG TỰ NHIÊN**

Các thuộc tính tương quan

- Xung hô thân mật
- Tâm trạng, trạng thái
- Hoạt động

Miền đích **CON NGƯỜI**

*Trông cho chân cứng đá mềm,*

*Trời yên, biển lặng, mới yên tâm lòng.* (Ca dao)

Con người luôn phải quan sát, phân tích, đánh giá, đồng thời cũng lo lắng, mong đợi, hy vọng được mưa thuận gió hòa, thiên thời, địa lợi, thì mới yên lòng.

Trong thơ Trần Đăng Khoa, các thuộc tính tương quan giữa thực thể, hiện tượng tự nhiên và con người được kích hoạt như Hình 1 bên dưới.

**Hình 1. Các thuộc tính tương quan giữa miền nguồn thực thể, hiện tượng tự nhiên và miền đích con người của ẩn dụ ý niệm CON NGƯỜI LÀ THỰC THỂ, HIỆN TƯỢNG TỰ NHIÊN trong thơ Trần Đăng Khoa**

Trong tư duy của nhà thơ, thực thể, hiện tượng tự nhiên cũng có tính cách, suy nghĩ, nói năng, hoạt động như con người. Nhà thơ dùng cảm từ *ôi* để gọi chúng một cách thân thương, triu mến, như *trăng ơi, sông ơi, đất ơi*:

(3) *Trăng ơi... từ đâu đến? (Trăng ơi... từ đâu đến?)*

(4) *Sông ơi, nhớ thương ai*

*Mà bốn mùa nước đỏ (Cầu Cầm)*

(5) *Đất ơi, hãy nói giùm tôi (Đất ơi)*

Hay nhà thơ còn gọi trăng là ông (*ông trăng*), gọi Mặt Trời là bác (*bác Mặt Trời*):

(6) *Bác Mặt Trời đạp xe qua đỉnh núi*

*Có vẻ vui tươi (Em kể chuyện này...)*

(7) *Ông trăng tròn sáng tỏ*

*Soi rõ sân nhà em (Trăng sáng sân nhà em)*

Trong thơ Trần Đăng Khoa, miền nguồn hiện tượng, thực thể tự nhiên, như *trăng, sao, mây, gió, sông, Mặt Trời, biển, sông,...* được tác giả sử dụng để chiếu xạ lên miền đích con người cũng là lối tư duy phổ biến. Hiện tượng, thực thể tự nhiên được nhân hóa (personification), vốn là một biện pháp của ẩn dụ được sử dụng phổ biến trong thơ ca, được ý niệm hóa như những người bạn hồn nhiên, vô tư:

(8) *Trăng thập thò ngoài cửa*

*Muốn rủ em đi chơi (Trông trăng)*

(9) *Các cô Mây*

**Chị Gió**

*Cổ đeo gùi nước về trời (Thần hạn I)*

(10) *Sấm ghé xuống sân*

**Khanh khách cười (Mưa)**

(11) *Ông trời*

*Mặc áo giáp đen*

**Ra trận (Mưa)**

(12) *Nghe hàng chuối vườn em*

**Gió trở mình trần trở**

*Chuột chạy giàn bí đỏ*

*Loáng vờ ánh trăng vàng (Nửa đêm tỉnh giấc)*

Hiện tượng, thực thể tự nhiên xuất hiện nhiều trong thơ Trần Đăng Khoa ở cả giai đoạn nhà thơ còn là một cậu bé và giai đoạn trưởng thành. Đến tuổi trưởng thành, nhà thơ cũng ý niệm hóa *trăng, mây, gió, mưa,...* là con người, nhưng là những thiếu nữ yếu điệu, e thẹn, dễ thương, và không còn hồn nhiên mà đã nhuộm màu tâm sự:

(13) *Và em thành mảnh trăng ngà*

*Nhớ anh, lặng lẽ hiện ra bên trời (Trăng Matxcova)*

(14) *Nhưng làm sao mưa cứ ngại ngùng*

*Mưa yếu điệu như một nàng công chúa (Đợi mưa trên đảo sinh tồn)*

Tương tự *trăng, mưa*, thì *gió* cũng được ý niệm hóa là *con người*, nhưng không còn hồn nhiên “đuôi nhau”, “múa reo”, không còn “vi vu ca hát” mà đã mang trong mình trọng trách thiêng liêng, cao cả, là “sứ giả của tình yêu”:

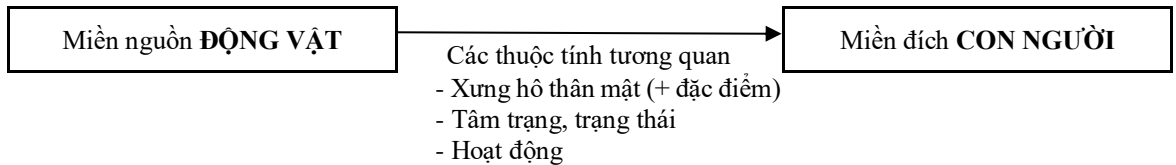
(15) *Ồ, không phải mây đâu. Những bức thư anh đấy*

*Từ xa thăm muôn trùng nhờ gió chuyển cho em  
(Những đám mây trắng ngời từ hải đảo...)*

Như vậy, trong tư duy của nhà thơ, từ khi còn là một cậu bé lên 8, lên 10 đến khi trưởng thành, hiện tượng, thực thể tự nhiên vẫn được ý niệm hóa là con người, nhưng có sự biến chuyển. Tư duy trẻ thơ, tâm hồn trẻ thơ, nhà thơ ý niệm hóa hiện tượng, thực thể tự nhiên là những đứa trẻ thơ ngây, hồn nhiên; đến khi trưởng thành, nhà thơ ý niệm hóa hiện tượng, thực thể tự nhiên là những người trưởng thành, bắt đầu mang tâm sự, trăn trở, nặng trĩu âu lo.

**2.2. CON NGƯỜI LÀ ĐỘNG VẬT**

Miền nguồn động vật dùng để thông hiểu miền đích con người rất phổ biến trong tư duy, ngôn ngữ



**Hình 2. Các thuộc tính tương quan giữa miền nguồn động vật và miền đích con người của ẩn dụ ý niệm CON NGƯỜI LÀ ĐỘNG VẬT trong thơ Trần Đăng Khoa**

Phải rất tinh tế, nhạy cảm, hòa mình vào thiên nhiên vạn vật, Trần Đăng Khoa mới có thể quan sát, lắng nghe, cảm nhận, xem động vật là bạn bè thân thiết. Trong tư duy của nhà thơ, động vật cũng có tính cách, tâm trạng, suy nghĩ, nói năng, hoạt động như con người. Nhà thơ *Nói với con gà mái*, dùng đại từ xưng gọi *mày – tao*:

(16) *Mày nhìn tao, con mắt lác hắc đi (Nói với con gà mái)*

Gọi gà mái mẹ thân thương, triu mến:

(17) *Gà Mẹ ơi! (Nói với con gà mái)*

Hay xưng gọi với *trâu* là *trâu ơi – ta*:

(18) *Trâu ơi, ăn cỏ mật*

*Hay là ăn cỏ gà*

*Đừng ăn lúa đồng ta (Con trâu đen lông mượt)*

Qua tâm hồn trẻ thơ, Trần Đăng Khoa tri nhận những con vật gần gũi, thân quen như những người

của nhân loại nói chung và người Việt nói riêng. Theo Kövecses (2002), miền nguồn động vật là miền có sự biểu trưng cực kỳ hiệu quả: rất nhiều hành vi của con người được hiểu một cách ẩn dụ thông qua loài vật. Ông đưa ra ẩn dụ ý niệm khái quát CON NGƯỜI LÀ ĐỘNG VẬT (PEOPLE ARE ANIMALS) và các ẩn dụ bậc dưới như:

HÀNH VI ĐÁNG PHÊ PHÁN CỦA CON NGƯỜI LÀ HÀNH VI ĐỘNG VẬT

CON NGƯỜI ĐÁNG PHÊ PHÁN LÀ ĐỘNG VẬT

SỰ TÌNH KHÓ GIẢI QUYẾT LÀ CHÓ

PHỤ NỮ HẤP DẪN LÀ MÈO (Kövecses, 2002, tr.153).

Tư duy ẩn dụ trong thơ Trần Đăng Khoa cũng mang tính phổ quát ở ẩn dụ khái quát CON NGƯỜI LÀ ĐỘNG VẬT, nhưng khác ở các ẩn dụ bậc dưới. Có thể hình dung quá trình kích hoạt các thuộc tính từ miền nguồn động vật sang miền đích con người của ẩn dụ CON NGƯỜI LÀ ĐỘNG VẬT như Hình 2 bên dưới.

bạn. Dựa vào đặc điểm của loài vật, nhà thơ đã trân trọng dùng những từ ngữ vốn chỉ người để gọi chúng:

(19) *Chẳng vui cũng nhảy*

*Là chú cào cào*

*Đêm ngời đêm sao*

*Là ông cóc tía*

*Rú ran cành khế*

*Là cậu chích chòe*

*Hay múa xập xòe*

*Là cô chim trĩ... (Kể cho bé nghe)*

*Cào cào, chích chòe, chim trĩ* có đặc điểm vui nhộn, hay bay nhảy, múa hát nên được nhà thơ ý niệm hóa là những người trẻ trung, hồn nhiên, năng động và gọi thân mật là *chú cào cào, cậu chích chòe, cô chim trĩ*. Còn *cóc tía* thì điềm nhiên, trầm

ngâm, lúc nào trông cũng có vẻ ưu tư nên được ý niệm hóa là người già nua và gọi là **ông cóc tía**.

Có thể nói, dựa vào đặc điểm của loài vật, nhà thơ đã nhiều lần dùng từ xưng gọi rất tinh tế:

(20) **Cậu Mèo** đã dậy từ lâu

Cái tay rửa mặt, cái đầu nghiêng nghiêng

**Mụ Gà** cục tác như điên

Làm **thằng Gà Trống** huyền thuyên một hồi  
(Buổi sáng nhà em)

Tương tự (19), cách ý niệm hóa ở (20) cũng rất tinh tế và sắc sảo. *Mèo* rón rén, nhẹ nhàng nhưng có phần tinh nghịch nên được ý niệm hóa như một đứa trẻ thơ (**cậu Mèo**); *gà mái* trước và sau khi đẻ thường cục tác rất to, rất nhiều nên được ý niệm hóa như một “mụ điên”, lằng xằng, lảm lòi (**mụ Gà**); *gà trống* thì hay gáy huyền thuyên nên được ý niệm hóa là một người lóc chóc (**thằng Gà Trống**). Ngữ liệu (21), (22) bên dưới cũng thể hiện sự quan sát tinh tế, tư duy nhạy bén, ý thơ hồn nhiên, trong sáng của nhà thơ về đặc điểm của từng loài vật:

(21) Hay nói âm ỉ

Là con vịt bầu

Hay hỏi đầu đầu

Là con chó vện

Hay chằng dây điện

Là con nhện con (Kể cho bé nghe)

(22) Đây **chị Cua Càng** giờ tay chào biển lúa

Này **thằng Dối** nhớ ai

Mà **khóc** mãi mắt đỏ ngầu như lửa

Này **lão Trê** nhảy võ ở đâu

Mà **ngã** bẹp đầu (Em kể chuyện này)

Như vậy, qua các ngữ liệu (19) – (22), thuộc tính tương quan về đặc điểm giữa con người và động vật được kích hoạt, tạo ra ẩn dụ bậc dưới ĐẶC ĐIỂM CỦA CON NGƯỜI LÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA ĐỘNG VẬT. Không chỉ vậy, thuộc tính về tâm trạng, suy nghĩ cũng được kích hoạt, tạo ra ẩn dụ bậc dưới khác là CẢM XÚC, TÂM TRẠNG CỦA CON NGƯỜI LÀ CẢM XÚC, TÂM TRẠNG CỦA ĐỘNG VẬT:

(23) Có con châu chấu phương nào

**Bâng khuâng** nhớ lúa, đậu vào vai em... (Đồng quê)

(24) Con chó vàng nhà em xem chừng **vui vẻ**

Tiếng nó **cười vang**

A! **Thằng giặc Mỹ** đến Việt Nam

Nó đến là như thế! (A! Em biết **thằng giặc Mỹ** rồi!)

*Bâng khuâng* là có những cảm xúc luyến tiếc, nhớ thương xen lẫn nhau, gây ra trạng thái như hơi ngẩn ngơ. *Vui vẻ* là có vẻ ngoài lộ rõ tâm trạng rất vui. *Cười vang* là cười lớn để tỏ rõ sự vui thích hoặc thái độ, tình cảm. Các vị từ, ngữ *bâng khuâng*, *vui vẻ*, *cười vang* trong các biểu thức ẩn dụ được tri nhận trong sự tương quan cảm xúc, tâm trạng của con người và cảm xúc, tâm trạng của động vật. Trong tư duy của nhà thơ, con người là vạn vật, và vạn vật đều là con người.

Tìm hiểu thơ Trần Đăng Khoa, chúng ta còn thấy tư duy ẩn dụ của nhà thơ có sự ảnh hưởng từ quan niệm dân gian, tri thức dân gian. Bài *Đám ma bác Giun* sử dụng chất liệu dân gian nhưng qua cái nhìn tinh tế, nhạy cảm, sáng tạo của nhà thơ, làm cho độc giả có một cái nhìn khác khoải, một tư duy mới lại:

(25) **Bác Giun** đào đất suốt ngày

Trưa nay chết dưới bóng cây sau nhà

Họ hàng nhà kiến kéo ra

Kiến con đi trước, kiến già theo sau

**Cầm hương** kiến Đất **bạc đầu**

**Khóc than** kiến Cánh **khóc** màu áo tang

Kiến Lửa **đốt** **đuốc** đỏ làng

Kiến Kim **chống** **gậy**, kiến Càng **nặng** vai

**Đám ma** đưa đến là dài

Qua những vườn chuối, vườn khoai, vườn cà

Kiến Đen **uống** **rượu** la đà

Bao nhiêu kiến Gió bay ra **chia phần**... (Đám ma bác Giun)

Đọc bài thơ *Đám ma bác Giun* của Trần Đăng Khoa, chúng ta nhớ đến bài ca dao:

(26) Con cò chết rữ trên cây

Cò con mở sách xem ngày làm ma

Cà cuống uống rượu la đà

Chim ri riu rút bò ra lấy phần. (Ca dao)

Theo tu từ truyền thống, bài ca dao trên là một phép ẩn dụ. Theo đó, bài ca dao có ý nghĩa bề mặt là

hình ảnh mang tính chất bi hài về con cò (chết), cò con, cò cuổng, chìm ri trong một đám tang. Còn ý nghĩa bề sâu là châm biếm, lên án tệ ma chay ở xóm làng xưa.

Theo ý nghĩa bề mặt, tư duy khách quan, thì thực chất bài *Đám ma bác Giun* miêu tả quá trình “xẻ thịt chia phần”, “tha xác về tổ”, “chè chén say sưa” của họ hàng nhà kiến. *Bác Giun* chết, thế là lũ kiến kéo ra để làm thịt bác, chia phần, tha về tổ. Nhưng với cái nhìn nhân văn, tư duy ẩn dụ, nhà thơ Trần Đăng Khoa lại tri nhận đây là “một đám tang”, hay “một hoạt động đưa tang”. Theo đó, bài thơ được giải mã

từ ẩn dụ khái quát CON NGƯỜI LÀ ĐỘNG VẬT và hai ẩn dụ bậc dưới là ĐẶC ĐIỂM CỦA CON NGƯỜI LÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA ĐỘNG VẬT, HOẠT ĐỘNG CỦA CON NGƯỜI LÀ HOẠT ĐỘNG CỦA ĐỘNG VẬT.

Có thể hình dung các thuộc tính tương quan giữa miền nguồn và miền đích trong ẩn dụ bậc dưới ĐẶC ĐIỂM CỦA CON NGƯỜI LÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA ĐỘNG VẬT và HOẠT ĐỘNG CỦA CON NGƯỜI LÀ HOẠT ĐỘNG CỦA ĐỘNG VẬT qua Bảng 2 bên dưới:

**Bảng 2. Các thuộc tính tương quan giữa miền nguồn ĐẶC ĐIỂM CỦA ĐỘNG VẬT, HOẠT ĐỘNG CỦA ĐỘNG VẬT và miền đích ĐẶC ĐIỂM CỦA CON NGƯỜI, HOẠT ĐỘNG CỦA CON NGƯỜI trong bài thơ *Đám ma bác Giun* của Trần Đăng Khoa**

Miền nguồn: <b>ĐẶC ĐIỂM CỦA ĐỘNG VẬT HOẠT ĐỘNG CỦA ĐỘNG VẬT</b>	Miền đích: <b>ĐẶC ĐIỂM CỦA CON NGƯỜI HOẠT ĐỘNG CỦA CON NGƯỜI</b>
<i>kiến con đi trước</i>	⇒ <i>trẻ con (lãng xãng) đi trước</i>
<i>kiến già theo sau</i>	⇒ <i>người già (chậm rãi) đi sau</i>
<i>kiến Đất bực đầu cầm hương</i>	⇒ <i>người đi đầu cầm hương</i>
<i>kiến Cánh khoác màu áo tang khóc than</i>	⇒ <i>người nhà mặc áo tang khóc than</i>
<i>kiến Lửa đốt đuốc đỏ làng</i>	⇒ <i>người đi theo cầm đuốc</i>
<i>kiến Kim chống gậy</i>	⇒ <i>có người cầm gậy</i>
<i>kiến Càng nặng vai</i>	⇒ <i>có người khiêng người chết</i>
<i>kiến Đen uống rượu la đà</i>	⇒ <i>có người uống rượu</i>
<i>kiến Gió bay ra chia phần</i>	⇒ <i>có người lợi dụng để kiếm chác, chia phần</i>

Như vậy, cảnh tượng con giun chết, lũ kiến kéo đến tha xác con giun về tổ để ăn thịt được Trần Đăng Khoa tri nhận là một đám tang. *Kiến con, kiến già, kiến Đất, kiến Cánh, kiến Lửa, kiến Kim, kiến Càng, kiến Đen, kiến Gió* có những đặc điểm khác nhau được ý niệm hóa là những con người với những nhiệm vụ khác nhau. Cụ thể hơn, các ngữ vị từ như *đi trước, theo sau, cầm hương, khóc than, khoác màu áo tang, đốt đuốc, chống gậy, (khiêng) nặng vai, uống rượu, chia phần*, đã miêu tả những hành động cụ thể của con người trong một đám tang.

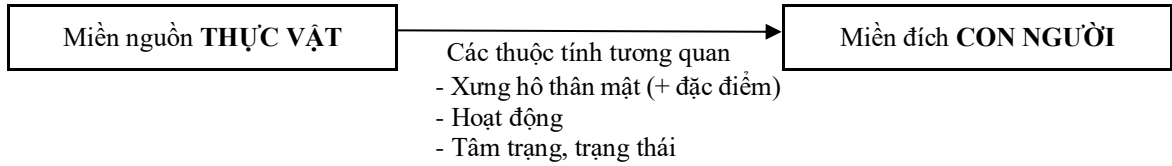
Tư duy ẩn dụ của Trần Đăng Khoa rất nhân văn và có cơ sở. Trung tâm của ẩn dụ là suy luận. Ẩn dụ ý niệm cho phép sử dụng các loại suy luận từ miền ý niệm này để lý luận về miền ý niệm khác một cách có hệ thống. Vì nhà thơ lý luận dưới dạng ẩn dụ nên các ẩn dụ mà nhà thơ sử dụng quyết định rất nhiều đến cách sống của ông. Đó là cách sống hòa mình vào thiên nhiên, yêu thương vạn vật, đồng nhất hóa vạn vật là con người.

**2.3. CON NGƯỜI LÀ THỰC VẬT**

Thực vật ở Việt Nam phong phú, đa dạng và gần gũi với con người. Trong tư duy của người Việt, cỏ cây có tâm tác động rất lớn. Vì vậy, qua những trải nghiệm có tính tương tác với môi trường cỏ cây hoa lá, con người thường dùng những hiểu biết, kinh nghiệm từ môi trường này để hiểu miền ý niệm khác. Có thể tìm thấy nhiều cách ý niệm hóa thú vị, trong đó phải kể đến sự ánh xạ giữa thực vật và con người, tạo nên ẩn dụ CON NGƯỜI LÀ THỰC VẬT. Ẩn dụ này cũng có tính phổ quát.

Có thể hình dung quá trình kích hoạt các thuộc tính từ miền nguồn thực vật sang miền đích con người của ẩn dụ CON NGƯỜI LÀ THỰC VẬT như Hình 3 bên dưới.

Tương tự hai miền nguồn ở trên, Trần Đăng Khoa cũng ý niệm hóa thực vật là bạn bè thân thiết. Trong tư duy của nhà thơ, thực vật cũng có tính cách, tâm trạng, suy nghĩ, nói năng, hoạt động như con người. Nhà thơ *Đánh thức trâu*, dùng đại từ xưng gọi *mày – tao*:



**Hình 3. Các thuộc tính tương quan giữa miền nguồn thực vật và miền đích con người của ẩn dụ ý niệm CON NGƯỜI LÀ THỰC VẬT trong thơ Trần Đăng Khoa**

(27) *Trâu ơi hãy tỉnh lại*

*Mở mắt xanh ra nào*

*Lá nào muốn cho tao*

*Thì mày chia ra nhé (Đánh thức trâu)*

Gọi cây lúa, dùng đại từ xưng gọi mày – ta:

(28) *Hãy trở nào, lúa ơi*

*Ta chop mắt đi, mai mày đã thấp thoi*

...

*Hãy rì rào ta nghe* khúc dân ca muôn thuở của làng quê

*Khúc dân ca của ta, ta cũng hát mày nghe...* (Bài hát gọi cây lúa)

Không chỉ tri nhận các hiện tượng tự nhiên hay các thực thể tự nhiên, các con vật là con người, gọi chúng bằng các danh từ thân tộc, mà các loài thực vật cũng được Trần Đăng Khoa tri nhận như vậy.

(29) *Những chị lúa phát phơ bím tóc*

*Những cậu tre bá vai nhau thì thăm*

*Đứng học (Em kể chuyện này...)*

Lúa trĩu bông được tri nhận như những người phụ nữ trẻ trung, phát phơ bím tóc (*chị lúa*). Tre xanh tươi, mọc thành hàng, thành cụm, thành lũy được tri nhận là những cậu học sinh bá vai nhau, thì thăm đứng học (*cậu tre*). Trần Đăng Khoa đã tri nhận chúng như con người và gọi bằng những từ thân mật như *chị, cậu*.

Trong mạch tri nhận CON NGƯỜI LÀ THỰC VẬT, thì thực vật cũng có các bộ phận như “tay”, “đầu”, “răng”, “râu”,... cũng có hoạt động như con người:

(30) *Cây dừa xanh tỏa nhiều tàu*

*Dang tay đón gió, gật đầu gọi trăng (Cây dừa)*

(31) *Bấp ngô non răng sún*

*Óng vàng một chòm râu (Bên sông Kinh Thầy)*

Trong tư duy của nhà thơ 8 tuổi, vạn vật trong vũ trụ đều có nhân tính, đều là bạn: CON NGƯỜI LÀ HIỆN TƯỢNG – THỰC THỂ TỰ NHIÊN; CON NGƯỜI LÀ ĐỘNG – THỰC VẬT. Nhà thơ làm bạn với hiện tượng, thực thể tự nhiên, với động – thực vật. Và hiện tượng, thực thể tự nhiên, động – thực vật cũng là bạn của nhau. Cây dừa được ý niệm hóa là một con người có cảm xúc, thích giao thiệp, hòa mình với bạn bè (*gió trăng*). Không chỉ vậy, cây dừa còn được tri nhận là một người lính đang làm nhiệm vụ bảo vệ đất trời thiêng liêng.

(32) *Đứng canh trời đất bao la*

*Mà dừa đứng đĩnh như là đứng chơi. (Cây dừa)*

Trong tư duy của nhà thơ, *cây dừa* còn là hiện thân của con người Việt Nam hiên ngang, đứng cảm; làm nhiệm vụ thiêng liêng, cao cả, nhưng không căng thẳng, khản trương mà trong phong thái *đứng đĩnh*, tự tin.

Phải là người có tài quan sát, nhạy cảm, tinh tế, tâm hồn trong sáng, tài thơ thiên bẩm, thì thể giới tự nhiên, cây cỏ mới có thể trở nên vui tươi, sống động trong thi phẩm của nhà thơ. Trời mưa gió làm cây cối lay chuyển, nhưng được tắm tưới nên “cây lá hả hê”. Cây cối, vạn vật như được thoải hồn, được hình dung với những dáng vẻ, tâm trạng khác nhau, rất thi vị: “*Muôn nghìn cây mía mùa grom*”, “*cỏ gà rung tai nghe bụi tre tần ngần gỡ tóc*”, “*hàng bưởi đu đưa bẻ lũ con đầu tròn trọc lóc*”, “*cây dừa sải tay bơi*”, “*ngọn mùng tơi nhảy múa*”, “*cây lá hả hê*” (Mưa).

Đôi lập với sự hả hê, vui tươi trong cơn mưa mát mẻ là sự trần trở, thao thức trong cái nóng nực, bức bối của cây cối, vạn vật:

(33) *Nửa đêm em tỉnh giấc*

*Bước ra hè em nghe*

...

*Nghe rì rầm rặng đuối*

*Há miệng đòi uống sương*

*Cây cau nó bức quá*

**Phành phạch quạt liên hồi** (Nửa đêm tỉnh giấc)

“Rặng duối rì rầm há miệng đòi uống sương”, “cây cau bức quá quạt phành phạch liên hồi” là những biểu thức ẩn dụ của ý niệm ẩn dụ CON NGƯỜI LÀ THỰC VẬT, HOẠT ĐỘNG CỦA CON NGƯỜI LÀ HOẠT ĐỘNG CỦA THỰC VẬT. Không chỉ có hoạt động, tâm trạng, thực vật trong thơ Trần Đăng Khoa cũng có những cử chỉ, tính cách rất đáng yêu.

(34) *Hãy trở nào, lúa ơi*

...

*Cây Nam Lùn đâu, đừng thẹn thò, khép nép*

*Hãy trở ta xem như tóc kết đuôi gà*

...

**Hãy rì rào ta nghe** khúc dân ca muôn thuở của làng quê

*Khúc dân ca của ta, ta cũng hát mà nghe...*  
(Bài hát gọi cây lúa)

*Thẹn thò, khép nép, kết tóc đuôi gà, hát dân ca* là những biểu thức ẩn dụ làm cho cây lúa được tri nhận là con người.

Ngoài ra, các thuộc tính của miền nguồn THỰC VẬT như: *toàn bộ cây, bộ phận của cây, các giai đoạn phát triển, màu sắc, hình dáng, kích cỡ, trạng thái, mùi vị...* cũng ánh xạ sang miền đích con người. Hay sự tương quan trong quy luật của chu trình sinh học ở miền nguồn thực vật: *nảy mầm – lớn lên – phát triển mạnh mẽ – già cỗi – tàn lụi/ chết đi* cũng ánh xạ sang miền đích con người: *sinh ra – thiếu nhi/ thiếu niên – trưởng thành – già yếu – mất đi*. Một số ví dụ tiêu biểu:

(35) *Cháu nằm nghiêng như hạt giống sắp nảy mầm* (Ru một mầm cây)

(36) *Ôi thương quá cái mầm cây bụ bẫm* (Ru một mầm cây)

(37) *Và tôi mọc lên như cái cây còn non dại* (Đất ơi!)

(38) *Mai sau cháu hãy là cây khỏe khoắn* (Ru một mầm cây)

(39) *Cháu hãy như cây, vượt lên từ đất khó* (Ru một mầm cây)

Hay trong thơ Trần Đăng Khoa, *hoa* cũng được ý niệm hóa là người phụ nữ, tạo thành ẩn dụ NGƯỜI PHỤ NỮ LÀ HOA:

(40) **Hoa** ơi!

**Anh gọi em là hoa dại?** (Hoa dại)

Như vậy, trong thơ Trần Đăng Khoa, miền ý niệm đích con người được hiểu qua ba miền ý niệm nguồn thực thể – hiện tượng tự nhiên, động vật và thực vật. Đây cũng là cách tri nhận phổ biến trong tư duy người Việt, nhưng trong thơ Trần Đăng Khoa có phần đậm đặc hơn, hồn nhiên hơn, đặc biệt là những sáng tác khi nhà thơ còn là một cậu bé. Tình cảm, cảm xúc của nhà thơ hết sức chân thành đối với thực thể, hiện tượng tự nhiên, động vật, cỏ cây. Tình cảm đó biến mọi thứ xung quanh ông thành con người và con người thành vạn vật. Và trong tư duy của nhà thơ, miền nguồn – đích đôi khi được đồng nhất, không còn phân biệt và có tính ánh xạ song hướng.

**3. KẾT LUẬN**

Thế giới khách quan trong thơ Trần Đăng Khoa được tái hiện một cách sinh động từ những trải nghiệm chân thực của nhà thơ, từ đó hình thành nên thế giới ý niệm của nhà thơ. Trong cấu trúc ẩn dụ ý niệm về con người, miền đích con người và miền nguồn thực thể – hiện tượng tự nhiên, động – thực vật tạo ra mối liên hệ tương quan trong vùng tri nhận, qua đó được giải thích, bình luận, biểu đạt tình cảm và cảm nhận chân thực của nhà thơ. Nhà thơ nhận thức không chỉ bằng thị giác, mà còn bằng những tác dụng chung của các giác quan, kết quả của loại tác dụng chung này khiến nhà thơ tìm ra điểm tương đồng tri nhận giữa miền đích và các miền nguồn trong những trải nghiệm thường nhật.

Miền ý niệm đích con người được biểu đạt, liên tưởng, lý giải qua các miền ý niệm nguồn thực thể – hiện tượng tự nhiên, động – thực vật làm cho ngữ nghĩa của ý niệm đích trở nên phong phú, mà sự phong phú về ngữ nghĩa ấy lại bắt nguồn từ trải nghiệm tự thân của nhà thơ, những thể nghiệm ấy không thể biểu đạt một cách trực tiếp được mà chỉ có thể được chuyển tải bằng ẩn dụ, mới có thể đạt được mục đích giao tiếp mang tính thi vị. Ngôn ngữ ẩn dụ làm cho sự biểu đạt trong thơ Trần Đăng Khoa tránh được sự tẻ nhạt, vô vị.

Nghiên cứu ẩn dụ ý niệm về con người, có thể thấy rằng cái quyết định sự lựa chọn ba miền ý niệm nguồn là kinh nghiệm của nhà thơ và truyền thống văn hóa. Ẩn dụ ý niệm về con người là sự lắng đọng của kinh nghiệm và văn hóa, trong tương quan với cộng đồng ngôn ngữ - văn hóa Việt. Giữa miền ý niệm nguồn và miền ý niệm đích hình thành một mạng lưới cấu trúc ẩn dụ nhất định, cùng một miền ý niệm đích do nhiều miền ý niệm nguồn ẩn dụ tạo thành: CON NGƯỜI LÀ THỰC THỂ - HIỆN

TƯỢNG TỰ NHIÊN, CON NGƯỜI LÀ ĐỘNG VẬT, CON NGƯỜI LÀ THỰC VẬT. Ba miền ý niệm nguồn khác nhau làm nổi bật những khía cạnh khác nhau của miền ý niệm đích con người, được lựa chọn bởi tư duy biểu đạt của nhà thơ, cũng như nội dung nổi trội. Nói chung, ba miền ý niệm nguồn

đều là những cái cụ thể và quen thuộc với nhà thơ và người Việt, những ý niệm này bắt nguồn từ tác dụng tương hỗ của nhà thơ cũng như người Việt nói chung với thế giới bên ngoài, là những kinh nghiệm cơ bản nhất.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

Khoa, T. Đ. (2018). *Tuyển thơ Trần Đăng Khoa*. Nhà xuất bản Văn học.

Kövecses, Z. (2002). *Metaphor: A Practical Introduction*, Oxford University Press. <https://doi.org/10.1093/oso/9780195145113.001.0001>

Lakoff, G., & Johnson, M (1980). *Metaphors We Live by*. Chicago, The University of Chicago press.

Lakoff, G., & Turner, M. M. (1989). *More than Cool Reason: A Field Guide to Poetic Metaphor*. Chicago and London, The University of Chicago Press. <https://doi.org/10.7208/chicago/9780226470986.001.0001>

Stockwell, P. (2002). *Cognitive Poetics: An Introduction*. Published by Routledge, London.

Tùng, Đ. D. (2015). Phương pháp nhận dạng ẩn dụ ý niệm. *Ngôn ngữ*, 3, 40-48.